

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 33

Nghĩa Văn: trong phần “Đại chúng” có hai ý: Tên Bồ-tát, tên thanh văn. Tên Bồ-tát có sáu:

1) 142 Bồ-tát, Văn Thù Phổ Hiền, Phật tóm thâu nhân qua của năm vị, đả sáu tướng thành hoại...

2) Mười Bồ-tát tên Tràng: các Bồ-tát Pháp Huệ... đạt đến quả không tạo tác của pháp giới, từ mười trụ, dùng trí phá trừ phiền não đạt quả vị pháp giới.

3) Mười Bồ-tát tên oai lực: nhờ oai lực hạnh lành thành tựu quả hạnh pháp giới.

4) Mười Bồ-tát tên Tạng: chính là mười Bồ-tát Kim Cang Tràng... trong vị hồi hướng đạt quả pháp giới. Vị hồi hướng phá trừ kiến chấp, dung hợp lý trí bi nguyện, thành tựu các công đức, đạt đến quả vị trong pháp giới.

5) Mười Bồ-tát tên Nhãn: chính là 37 Bồ-tát của mười địa đạt đến quả vị pháp giới. Vì mười địa đủ vô số công đức, mắt pháp sáng suốt thông đạt mọi pháp. 40 Bồ-tát trên là quả vị trước vị pháp giới. Vì 40 Bồ-tát là 40 tâm đủ cả Văn Thù Phổ Hiền thành 42 đạo hiền Thánh, quả của pháp giới.

6) 100 Bồ-tát từ mười Bồ-tát tên Quan... chính là hạnh của mười Ba-la-mật trong trí căn bản, là thể viên mãn của một Ba-la-mật. (Trong một đủ 10, trong 10 đủ 100). 100 Bồ-tát là 100 Ba-la-mật. Kể cả 40 Bồ-tát thành 142, tùy vị tu tập Ba-la-mật thành 500. Vì thế Kinh dạy: 500 Bồ-tát đều thành tựu hạnh Phổ Hiền vì Phổ Hiền, Văn Thù, Phật là thể dụng của năm vị (như 500 đồng tử... ở trước đã nói). Tân Thanh Văn: Xá-lợi-Phát: mắt của mẹ ngài sáng đẹp như mắt chim thu, nên tên ngài là Thu tử. Mục Kiền liên họ Thái Thúc, mẹ của ngài là dòng dõi lục Đầu Tiên. Ma-ha-ca-diếp Âm quang, thân sáng như mặt trời, dòng dõi của tiên. Ly-bà-đa: cúng dường. Tu-bồ-đề: Thiện hiện. A-nậu-lâu-đa: Vô diệt. Nan-đà: hoan hỷ. Kiếp-tân-na: hoàng sắc, dòng dõi của Hoàng

Đầu Tiên. Ca-chiên-diên: Họ của một tông, là con cháu xa của họ ấy. Phú-lâu-na: (theo tên mẹ) Mãn từ. 10 Thanh Văn lớn thị hiện không nghe hiểu pháp vi diệu của Như Lai là để dạy những người thích pháp tiểu thừa, hướng chí cầu pháp đại thừa. 500 Thanh văn và đức Như Lai đã từng có nhân duyên với nhau, nên luôn tùy thuận hạnh nguyện của Phật. Nhập định Tẩn thân, cung điện tự nhiên biến rộng như hư không. Vì cảnh giới thường hằng của Như Lai là vô biên, đoạn tâm mê hoặc, thông đạt tất cả, tâm như hư không dung chứa mọi pháp. Đất bằng Kim Cang là quả của pháp thân đủ muôn hạnh. Ngọc ma ni: quả của trí căn bản. Vàng diêm phù đề: sáng đẹp khác với vàng thường, là quả của tâm nhu hòa Khiêm hạ. Ngọc như ý: quả của hạnh từ trí căn bản phát khởi trí sai biệt, tự tại vô ngại lợi ích tất cả chúng sanh. Ngưu lân huỳnh đá: lầu gác cao đẹp nối tiếp nhau khắp cả pháp giới. Giai trì hiên hạm. Giai: bậc cấp; phía dưới bậc cấp là trì, phía trên bậc cấp là hạnh, ván báu lót trên hạm là hiên. Như câu: “Bằng hiên hạm dĩ diêu vọng” trong bài phú Đăng lâu. Tất cả đều trước trang sức bằng báu vật quả của trí sai biệt, là công dụng của trí căn bản vượt trên cảnh giới khác. Trang nghiêm báu vật là quả hạnh đạo lợi ích cho trời người. Lưỡi báu là hạnh thuyết pháp. Tường phẳng là giới báu. Cây là hạnh che chở chúng sanh. Tràng phan là hạnh hồi hướng. Sông báu là hạnh từ bi. Tất cả đều là quả báu của hạnh bằng trí. Thân tướng Bồ-tát trang nghiêm là dung hợp thể dụng. Bồ-tát cõi nước đản cài tự tại: trí căn bản là thể, trí sai biệt tạo nên quả báu ấy. Thần thông của tất cả các đức Phật đều không ngoài trí căn bản tự tại hòa hợp. Năm vị phải tu tập tất cả các hạnh mới đạt trí ấy. Nếu không như thế thì chỉ hiểu nhiều không ngoài một nhưng không nắm bắt được. Đó là lẽ tự nhiên. Rừng Thọ Đa... tất cả cõi nước đều không ngoài hai pháp:

- 1) Quả của hạnh bi trí đời trước.
- 2) Sự trang nghiêm của Phật, Bồ-tát.

Đó là phần trả lời 40 câu hỏi trước. 10 đoạn Kinh từ bảy giờ phương đông... Bồ-tát mười phương đến đại hội: vô số hạnh trong quả Phật. Tất cả đều là hạnh rộng lớn của quả Phật. vì thế cõi nước tên Kim Cang Đăng Vân Tràng. Vì tất cả các đức Phật đều từ trí kim cang hành mọi hạnh, phá từ phiền não. Phật tên Tỳ-lô-giá-na thắng đức Vươn: quả của hạnh. Bồ-tát tên Tỳ-lô-giá-na nguyện quang minh: quả của hạnh từ bi. Quả hạnh dung nhiếp. Vô số Bồ-tát đến: viên mãn hạnh nguyện Bồ-tát, hiểu được pháp này. Nghĩa là trọn vẹn hạnh Ba-la-mật. Các Bồ-tát đều trang nghiêm lưỡi báu: hạnh độ sanh viên mãn. mười phương cũng

thế (Ánh sáng, Văn Thù độ Bồ-tát, dạy Thiền Tài... Phật Phổ Hiền là nhân quả thể dụng của năm vị như trước).Phần từ Văn Thù... cuối Kinh có ba đoạn:

- 1) (Từ bấy giờ... bồ đề) tùy căn tánh vào đời độ sanh.
- 2) (Tuần tự đi về thành phía đông) Văn Thù vào đời thuyết pháp.
- 3) (Từ bấy giờ... cuối Kinh) hiểu khả năng chúng sanh, giảng dạy

đúng pháp.

Đoạn một có hai:

1) (20,5 hàng) Văn Thù cùng các Bồ-tát xin phép Phật đi về phía nam.

2) (86,5 hàng) sáu ngàn Tỳ kheo gặp Văn Thù đạt pháp nhưt thừa.

Nghĩa Văn. Văn Thù từ lầu Thiện Trụ ra đi: từ pháp than hiện trí căn bản, phát trí sai biệt độ thoát chúng sanh. Vô số Bồ-tát cùng đi: cùng ủng hộ đạo pháp độ sanh. Thần kim cang hộ vệ: oai đức của thần và Văn Thù. 42 chúng là 42 phương tiện độ sanh. Kim cang: trí sáng trong pháp thân. Thần cúng Phật vì chúng sanh: cung kính, hóa vô số thân cúng dường Phật và độ chúng sanh. Thần gió với mũ ma ni: từ trí vô cấu thuyết pháp độ sanh như gió xô đổ vạn vật và nuôi lớn vạn vật nhưng thể tánh không thật. Cũng thế trí độ sanh nhưng không đấm nhiễm. (Cửu bàn trà... như trước).

Đoạn hai có bảy:

1) (12,5 hàng) Xá Lợi Phất và sáu ngàn Tỳ kheo được độ thoát.

2) (16 hàng) Xá Lợi Phất khuyên các Tỳ kheo quán sát hạnh độ sanh của Văn Thù.

3) (10,5 hàng) Xá Lợi Phất khen ngợi công đức của Văn Thù, các Tỳ kheo mong gặp Văn Thù, Xá Lợi Phất thưa Bồ-tát Văn Thù.

4) (6,5 hàng) sáu ngàn Tỳ kheo đánh lễ Văn Thù, phát nguyện.

5) (18 hàng) Văn Thù thuyết mười pháp không mỗi một, không thuộc hạnh nhị thừa, đạt hạnh Như Lai.

6) (16 hàng) Nghe pháp, sáu ngàn Tỳ kheo đạt định.

7) (6 hàng) Văn Thù khuyên các Tỳ kheo hành hạnh Phổ Hiền để đạt pháp Phật.

Nghĩa Văn: Ngàn Tỳ kheo là sáu vị. Xá lợi Phất và sáu ngàn Tỳ kheo là sự tiến cầu chánh pháp. Từ nơi ở đi ra: thoát khỏi sự hiểu biết của Thanh Văn quyền giáo, cầu pháp bồ đề. Đi quanh bên phải ba vòng là thuận pháp Phật, đi từ nam đến đông, bắc, tây, về nam: đi ngược với hạnh từ trước. Sáu ngàn Tỳ kheo không phải là người đạt quả la hán,

nhờ căn lành đời trước nên dễ phát tâm. Kinh dạy: họ từng cúng dường vô số Phật, hành vô số pháp lành: đời trước từng tin pháp giờ đây lòng tin đã thuần thực. Ánh sáng công đức của Văn Thù mà Xá lợi Phất khuyên các Tỳ kheo quán sát là ánh sáng thường hằng của thân tâm thanh tịnh, ai thấy được đều vui vẻ. Quang võng: ánh sáng giáo pháp viên mãn trang nghiêm thân hình, ai thấy được đều đoạn Khổ. Con đường của Bồ-tát Văn Thù đi rộng tám bước, bằng phẳng: thân tâm luôn sống trong 8 Thánh đạo. Đi khắp đạo tràng mười phương: hạnh hóa độ chúng sanh. (Ánh sáng chiếu đến Văn Thù như trước) cây báu: quả của hạnh. Sáu ngàn Tỳ kheo quán sát Văn Thù, nghe pháp đạt tam muội vô ngại nhãn: đạt trí nhãn thanh tịnh sáng suốt không tướng trong pháp thân. Đoạn trừ vàng chấp, trí sáng biểu hiện: đoạn năm kiến, thông đạt các pháp. Từ oai lực của định tiến tu hạnh Phổ Hiền sẽ trọn vẹn các pháp. Vào đời thuyết giảng các pháp: Tháp miếu ở rừng Sa La, phía đông thành Phước.

Đoạn này có hai phần:

1) (7,5 hàng) Văn Thù vào đời độ sanh;

2) (8 hàng) Văn Thù thuyết pháp. Văn Thù khuyên các Tỳ kheo phát tâm bồ đề: Bồ-tát chỉ dạy chúng sanh hướng đến pháp tịnh. Vào đời: lòng từ bi độ sanh của Bồ-tát. Thành Phước: người ở đây tu pháp lành. Pháp định của bậc Thánh cũng là phước đức. Tràng có hai ý: các đức Phật đã từng ở nơi này đoạn trừ chấp trước. Nơi này từng có rừng trang nghiêm. Đại pháp miếu: tiếng tăm vang xa. Thuyết pháp chơn chánh đoạn vọng Kiến: đại; nơi an trí hình tượng của Phật: tháp miếu (còn gọi là Tràng). Trong Phạm Tăng chếp: tháp này rất rộng, ở phía nam đánh trống, phía bắc không nghe. Sa la: cao. Trời rỗng... tám bộ trời rỗng thường cúng dường. Văn Thù cùng Bồ-tát bạn: sáu ngàn chúng. Thuyết giảng Kinh pháp: trí căn bản rộng lớn tùy căn độ sanh. Trăm vạn ức na du tha Bồ-tát bạn: trí sai biệt tùy thuận độ sanh. Vô số trời rỗng liễn ngộ sanh thiên: tùy căn tánh, chúng sanh nghe pháp đạt lợi ích. Tùy căn tánh thuyết giảng: Văn Thù quán sát Thiện tài và đại chúng. Khuyên Thiện Tài đi về phía nam cầu học thiện tri thức: nhân quả tiến tu của năm vị để kể hậu học noi theo.

- Phần này có hai:

1) (94 hàng) Văn Thù tùy khả năng của đại chúng ở thành Phước thuyết giảng giáo pháp và khuyên dạy Thiện Tài cầu học thiện tri thức.

2) (Còn lại) biết khả năng, thuyết giảng giáo pháp để kể hậu học

noi theo.

Phần một được phân thành sáu:

- 1) (21,5 hàng): đại chúng tập hợp.
- 2) (25 hàng) Văn Thù quán sát nhân quả của Thiện Tài.
- 3) (6,5 hàng) Văn Thù thuyết pháp cho Thiện Tài.
- 4) (4,5 hàng) Thuyết pháp xong, Văn Thù ra đi.
- 5) (2,5 hàng) nghe pháp, Thiện tài vui vẻ cần cầu pháp vô

thượng.

6) (34 hàng kệ) Thiện Tài nói về gốc khổ, xin thuyết pháp lợi ích. Bốn hàng kệ đầu nói Khổ sanh tử; 30 hàng kệ sau: Khen ngợi công đức của Văn Thù và xin thuyết pháp. Nghĩa Văn: 500 đại chúng: mười Ba-la-mật trong năm vị (như trước). Oai quang hách dịch: sắc thân sáng chói trang nghiêm của Bồ-tát Văn Thù. Văn Thù quán sát biết nhân quả của Thiện Tài: quả có từ nhân. Thai: từ đời trước từng tin mình đủ pháp thân thanh tịnh, trí sáng không nương tựa. Trí ấy là trí bất động. Biết vô minh của chúng sanh và mình là hạt giống của trí thanh tịnh pháp thân của Phật. Nhờ lòng tin hiểu ấy sanh trong nhà bảy báu. Bảy báu là quả của Bảy pháp trợ ngộ: quả của tám Thánh đạo. Vô số báu vật trong nhà: Quả của lòng tin tu tập mười Ba-la-mật... của năm vị. Lòng tin ấy trải qua nhiều đời không phải một đời. Song thời gian vốn không trước sau. Kinh dạy: đồng tử đã từng cúng dường vô số Phật: nhân tin từ xưa. Từng tu tập pháp: tu mười Ba-la-mật... các pháp của năm vị. Mười pháp là nhân quả của năm vị như trước. 53 thiện tri thức là hành tướng của năm vị. Văn Thù Phổ Hiền Phật là nhân quả thỏ dụng của quả Phật (như trước). Đó là nhân quả tiến tu của các Bồ-tát nhưng về thể tánh ba pháp ấy không phải là nhân quả. Như vua quan vốn không có phẩm trật. Với oai đức tự tại, tùy công lao mà có phẩm trật. Vì sao ở đây nêu Di Lặc là quả Phật mà không nêu đức Tỳ-lô-giá-na? Vì Tỳ-lô-giá-na và Di Lặc là một. Vì thế có câu: trong lầu gác Di Lặc biết rõ ba đời trong một sát na. Vì tất cả đều từ trí căn bản không trước sau. Chúng hội của các đức Phật thanh tịnh: đều cùng một pháp thanh tịnh, khôn chướng ngại, đan xen dung nhiếp. Tam hữu: dục, sắc, vô sắc. Tất cả chúng sanh đều thuộc ba hữu này. Kiêu mạn: trái lễ: Kiêu; xem thường người khác: mạn (bảy mạn như trước). Các thú: Kiến thú, giới thú, tà định thú, bất định thú, chánh định thú, trời người, nhị thừa chán khổ ra khỏi thế gian, Bồ-tát cõi tịnh, Bồ-tát nhưt thừa chưa đạt sự tự tại của trí bi. Tất cả đều từ ngiệp. Sông ái: ái đưa chúng sanh luân hồi trong sanh tử. Ngu si: không hiểu chơn đế. Phạm phu có tám vạn bốn ngàn ngu si. Bồ-tát mười địa

có 22 ngu si, tùy địa vị, Bồ-tát biến 110 ngu si thành 110 giải thoát. Lửa tham sân: phiền não ba cõi là tham, tham là pháp đầu trong mười sử. Giận thuộc sân. Vô minh là tên gọi chung. Phú, mạn là tùy phiền não. Nghi và năm Kiến chướng ngại Thánh đạo. Đó là nhân quả sanh tử. Đoạn trừ nghi Kiến, trí huệ hiển hiện. Trong mười sử, nghi và năm kiến chướng ngại Thánh đạo; tham sân si mạn chướng ngại tu đạo. Nếu không dùng Thánh đạo điều phục thì sẽ mãi trôi lăn trong sanh tử. Vì tham sân nên pháp lành không sanh, như lửa thiêu đốt. (mười sử, sự giải thoát mười sử của năm vị như trước).

- Phần Văn Thù biết khả năng chúng sanh, thuyết giảng giáo pháp có 5 ý: đã phát lòng tin; câu: thiện nam tử! người đã phát tâm vô thượng bồ đề: vị tính nhập vị bồ đề. Nhờ sức tam muội hiển hiện lý hạnh, hiểu rõ hiệp quả. Bồ-tát nhiếp thọ: Câu “Bấy giờ Bồ-tát Văn Thù như voi chúa xoay mình: Bồ-tát dùng trí viên mãn hiện khắp mười phương, tùy căn tánh độ thoát chúng sanh nhưng chúng sanh không hề hay biết, luôn cho rằng chỉ riêng mình gặp Bồ-tát. Bồ-tát khuyên gần gũi thiện tri trước: Kinh dạy: thiện nam tử! gần gũi cúng dường thiện tri thức là điều kiện đầu để đạt trí như ý. Vì thế, người nên siêng năng, trí căn bản nhờ đó hiển hiện. Thể của trí vẫn không đạt được như công dụng của trí vô cùng rộng lớn. Thiện Tài thỉnh thuyết pháp: bởi. Vì sao nói “Cầu đạo Bồ-tát” mà không nói: “Học tâm bồ đề”? Vì bồ đề vốn không tu tập hỏi chứng đắc, nên cầu đạo Bồ-tát, học hạnh Bồ-tát thì bồ đề hiển hiện. (đạt trí ở núi Diệu Phong như trước). Trụ phát tâm thứ nhất, định vô niệm vô tác là phương tiện hiển hiện tâm bồ đề. Vì bồ đề vốn không thể tánh, là điều kiện để hành mọi hạnh. Nếu bồ đề ngoài hạnh thì đó là bồ đề của Thanh Văn, Độc giáo, Bồ-tát quán Không, không phải là bồ đề bi trí viên mãn của Văn Thù Phổ Hiền. Vì thế Như Lai dạy Bồ-tát quyền giáo rằng: các hành vô thượng, là pháp sanh diệt. Vì Bồ-tát quyền giáo quán pháp không đoạn trừ chấp cỏ của ba cõi, chưa hiểu hữu vi vốn là công dụng của bồ đề. Bồ-tát như thừa chỉ cầu đạo hạnh của Bồ-tát. Vì hạnh Bồ-tát là công dụng của bồ đề. Vì lý trí thể dụng dung nhiếp đan cài. Nếu không như thế thì còn chấp, không phải là người học pháp vi diệu. Văn Thù dạy pháp tu tập: Thiện nam tử! trên núi Diệu Phong thuộc nước Thắng Lạc ở phía nam, có Tỳ kheo tên Đức Vân...

Đoạn này phân thành tám phần:

1) (22 hàng) Văn Thù khuyên Thiện Tài cầu học thiện tri thức, nhập mười trụ, hiểu rõ chơn lý. Từ câu núi Diệu Phong có bảy ý:

-
- a) (Phẩm mười trụ): nhập mười trụ hiểu rõ chơn lý.
 - b) (Phẩm mười hạnh) từ chơn lý hành hạnh.
 - c) (Phẩm mười hồi hướng) lý trí bi nguyện dung hòa.
 - d) (Phẩm mười địa) tu tập bi trí thành tựu công đức.
 - đ) (10 phẩm) trọn vẹn bi trí thành Phật.
 - e) (Phẩm xuất hiện) viên mãn quả Phật.
 - g) (Phẩm pháp giới) công dụng rộng lớn của pháp giới.

Phần này có 4 ý:

a) (5 hàng) Văn Thù khen ngợi, khuyên Thiện Tài cầu học thiện tri thức;

b) (5,5 hàng) Thiện Tài hỏi 11 pháp.

c) (1 hàng) Văn Thù nói kệ khen ngợi.

d) (phần kệ) nếu có Bồ-tát nào, không chán Khổ sanh tử, đầu đủ đạo Phổ Hiền, không gì phá hoại được. Vì khổ sanh tử chính là bồ đề. Nếu lìa sanh tử học đạo bồ đề thì bị hư hoại. Vì sao? Vì còn chấp sanh tử Niết-bàn. Nếu hành hạnh phương tiện an trụ bồ đề Phật, học pháp của Thánh như sẽ đạt trí nhưt thiết. Nghĩa là nhờ bi nguyện của Phật an trụ bồ đề. Nếu không hiểu pháp, không hành hạnh thì không viên mãn bồ đề. Nếu còn vọng chấp thì còn chướng ngại. Hãy dùng trí sáng pháp giới quán sát thì sẽ thông đạt tất cả. Vì thế trọn vẹn hạnh Bồ-tát là trọn vẹn tâm bồ đề. Vì hạnh Bồ-tát chính là tâm bồ đề. Sanh tử là Niết-bàn. 12,5 hàng(từ bấy giờ... thuyết giảng) được phân thành năm:

a) (2,5 hàng) Văn Thù khen ngợi việc Thiện Tài phát tâm bồ đề.

b) (2 hàng) khen ngợi việc cầu học thiện tri thức.

c) (1 hàng) muốc đạt trí nhưt thiết phải cầu học thiện tri thức.

d) (2,5 hàng) Văn Thù dạy Thiện Tài siêng năng học hỏi, không nên tìm lỗi lầm ở thiện tri thức.

đ) (4,5 hàng) 5 ý: phương hướng; cõi nước; nơi chốn; tên; pháp mà thiện tri thức thuyết giảng.

